

Số: 829/KH-SXD

Điện Biên, ngày 02 tháng 8 năm 2018

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Đề án hoàn thiện hệ thống Định mức dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

Căn cứ Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án hoàn thiện Hệ thống định mức và giá xây dựng;

Thực hiện Văn bản số 1589/BXD-BCĐĐMG ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Ban chỉ đạo đề án Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng về việc thực hiện Đề án,

Để việc áp dụng định mức dự toán thống nhất, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, Sở Xây dựng ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án hoàn thiện hệ thống Định mức dự toán trên địa bàn tỉnh Điện Biên, như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

- Tổ chức triển khai rà soát các Bộ định mức đã được Bộ Xây dựng và các Bộ quản lý chuyên ngành công bố;

- Tổ chức rà soát định mức xây dựng đặc thù trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã được Sở Xây dựng công bố;

- Tổ chức nghiên cứu, hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn, phổ biến các cơ chế, chính sách về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và dịch vụ đô thị, các phương pháp lập định mức và giá xây dựng mới, các tập định mức và đơn giá mới lập;

- Tổ chức, phân công, giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn chủ trì thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến xây dựng và quản lý định mức dự toán trên địa bàn.

##### **2. Yêu cầu**

- Nghiên cứu hoàn thiện các phương pháp xây dựng hệ thống định mức dự toán đặc thù, các định mức còn thiếu cần bổ sung trên địa bàn tỉnh, cho phù hợp với đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên;

- Đề nghị UBND tỉnh bố trí ngân sách cho việc rà soát định mức dự toán xây dựng đặc thù, định mức dịch vụ đô thị trên địa bàn tỉnh.

#### **II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

##### **1. Nội dung công tác rà soát định mức**

Công tác rà soát định mức bao gồm 3 nội dung công tác chính như sau:

a) Kiểm tra, đánh giá, sửa đổi, hiệu chỉnh hệ thống định mức đã được công bố, có hiệu lực hiện hành nhằm:

- Loại bỏ định mức các công tác có công nghệ, biện pháp thi công đã quá lạc hậu hoặc trùng lặp giữa các tập định mức công bố;

- Sửa đổi, hiệu chỉnh các vấn đề còn tồn tại, bất cập (chưa rõ ràng, thiếu thông tin, chưa phù hợp) trong nội dung thành phần cơ cấu của từng định mức để đủ điều kiện, cơ sở áp dụng trong quá trình lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đảm bảo nguyên tắc tính đúng, tính đủ.

b) Xây dựng các định mức cho các công tác mới chưa có trong hệ thống định mức hiện hành.

c) Kiểm tra, đánh giá, sửa đổi, hiệu chỉnh định mức dự toán đặc thù trên địa bàn tỉnh đã được công bố.

## **2. Công tác kiểm tra, đánh giá sửa đổi, hiệu chỉnh hệ thống định mức**

a) Định mức đã được công bố có hiệu lực hiện hành

Đối với hệ thống định mức dự toán (bao gồm định mức dự toán do Bộ Xây dựng công bố, định mức dự toán do các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và các Định mức dự toán đặc thù do Sở Xây dựng công bố):

- Bước 1: Thống kê, phân loại theo từng lĩnh vực, nhóm, loại công tác, phân tích kiểm tra, so sánh, đánh giá;

- Bước 2: Rà soát, thống kê để loại bỏ các định mức công tác thi công có công nghệ, biện pháp thi công đã quá lạc hậu, không còn trên thị trường, làm tăng đơn giá rất cao so với các công nghệ phổ biến hoặc để thống nhất các định mức của cùng một công tác được công bố ở nhiều tập định mức khác nhau.

- Bước 3: Sửa đổi, hiệu chỉnh các nội dung của từng thành phần cơ cấu định mức (mã hiệu định mức, tên định mức, thành phần công việc, đơn vị tính, thành phần hao phí, công nghệ áp dụng, quy trình thực hiện, điều kiện áp dụng, đơn vị hao phí, trị số định mức...) đảm bảo thể hiện rõ ràng, đầy đủ các thông tin. Yêu cầu cụ thể như sau:

+ Về mã hiệu định mức:

Đảm bảo các công tác có cùng tính chất, cùng nhóm công việc sẽ có cùng một mã hiệu;

Đảm bảo tính liên tục, logic để nhận biết, tránh xáo trộn lớn, ưu tiên giữ cách mã hóa của hệ thống mã hiệu hiện hành.

+ Về tên định mức:

Đảm bảo thể hiện chi tiết: tên công tác xây dựng; tên, đặc điểm của bộ phận công trình hoặc kết cấu, cấu kiện xây dựng (là đối tượng chịu tác động

hoặc là sản phẩm của công tác xây dựng này); công nghệ thi công phổ biến, tiên tiến; qui trình kỹ thuật thực hiện công việc (đối với định mức công ích đô thị); biện pháp thi công; thông số kỹ thuật, yêu cầu chất lượng dịch vụ (đối với định mức công ích đô thị), thông số về điều kiện, phạm vi thực hiện công việc liên quan (nếu có).

Các thông số kỹ thuật, thông số về điều kiện, phạm vi thực hiện công việc liên quan phải được thể hiện đảm bảo xác định đầy đủ thông tin về trị số, đơn vị, đồng thời phải có giới hạn cụ thể.

+ Về thành phần công việc:

Đảm bảo thể hiện rõ nội dung, quy trình, trình tự từng bước công việc thực hiện trong công tác được xác định định mức và phạm vi thực hiện của các công việc này. Đảm bảo phù hợp với quy định trong hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng áp dụng cho định mức (nếu có);

Các thông số về phạm vi thực hiện công việc phải được xác định đầy đủ thông tin về trị số, đơn vị, đồng thời phải có giới hạn cụ thể.

+ Về đơn vị tính của định mức:

Đảm bảo phù hợp với đơn vị đo bóc khối lượng của công tác; thuận tiện cho công tác lập, kiểm soát và quản lý chi phí đồng thời phù hợp với các thành phần hao phí của định mức.

Trường hợp một số công tác có đơn vị đo dễ gây hiểu nhầm về cách tính khối lượng cần bổ sung thêm quy định về cách xác định khối lượng, để thuận tiện áp dụng trong quá trình lập và quản lý chi phí.

+ Về thành phần hao phí và đơn vị tính hao phí:

Đối với hao phí vật liệu: Đảm bảo đủ các thành phần vật liệu, thể hiện rõ tên loại vật liệu, đặc điểm, quy cách, thông số kỹ thuật kèm theo. Đơn vị tính các vật liệu chính phải phù hợp với đơn vị đo khối lượng của từng loại vật liệu và đơn vị tính của định mức. Đối với các vật liệu phụ không hoặc khó định lượng bằng trị số hao phí thì được xác định bằng tỷ lệ % chi phí vật liệu chính.

Đối với hao phí nhân công: Đảm bảo thể hiện rõ nhóm nhân công, công việc thực hiện, cấp bậc nhân công bình quân hoặc một số loại nhân công (theo quy định) để hoàn thành công tác;

Đối với hao phí máy thi công: Đảm bảo thể hiện đủ các loại máy, thiết bị chính có trong dây chuyền tổ chức thi công cần thiết để thực hiện công tác. Nêu rõ tên loại máy, công suất máy, xuất xứ máy, công nghệ thi công (hoặc dây chuyền tổ chức thi công). Đối với một số loại máy thi công phụ không hoặc khó định lượng bằng trị số hao phí thì được xác định bằng tỷ lệ % chi phí máy thi công chính.

+ Trị số hao phí định mức:

Đảm bảo tính chính xác và logic về trị số hao phí định mức giữa định mức dự toán của công tác có cùng tính chất công việc, cùng loại công việc, cùng nhóm, cùng biện pháp thi công, công nghệ thi công, dây chuyền tổ chức thi công (nếu có) nhưng có điều kiện thi công, phạm vi thi công khác nhau; giữa định mức dự toán và định mức cơ sở; đồng thời phải phù hợp với đơn vị tính của định mức.

Đảm bảo tính đúng, tính đủ hao phí của định mức công tác phù hợp với: thành phần công việc; các quy định trong hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng áp dụng cho định mức (nếu có); biện pháp thi công; công nghệ thi công, dây chuyền tổ chức thi công (nếu có), điều kiện, phạm vi tổ chức thi công; khối lượng thực hiện công tác.

b) Công tác xây dựng bổ sung định mức cho các công tác mới (nếu có):

- Bước 1: Kiểm tra, nhận diện, tổng hợp các công tác cần xây dựng bổ sung định mức, lập danh mục theo từng nhóm:

+ Các công tác xây dựng có công nghệ thi công, biện pháp thi công chưa có trong hệ thống định mức dự toán cần xây dựng định mức bổ sung.

+ Các loại vật liệu chưa được quy định trong hệ thống định mức sử dụng vật liệu cần xác định định mức bổ sung;

+ Các loại máy thi công chưa được quy định trong hệ thống định mức hao phí để xác định giá ca máy cần xây dựng định mức bổ sung;

+ Các công việc chưa quy định định mức trong các tập định mức khác cần xây dựng bổ sung.

- Bước 2. Lập kế hoạch thực hiện và xây dựng định mức mới, đảm bảo thành phần cơ cấu định mức mới (mã hiệu định mức, tên định mức, thành phần công việc, đơn vị tính, thành phần hao phí, đơn vị hao phí, trị số định mức) được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chính xác thông tin, nội dung như yêu cầu tại mục 2.1.1 nêu trên, để đủ cơ sở áp dụng trong công tác lập và quản lý chi phí.

- Bước 3: Xây dựng định mức theo phương pháp hướng dẫn xây dựng định mức tại Phụ lục số 5 Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng.

- Bước 4: Báo cáo, tổng hợp các định mức xây dựng mới.

c) Kiểm tra, đánh giá, sửa đổi, hiệu chỉnh định mức dự toán đặc thù trên địa bàn tỉnh đã được công bố

Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh và các đơn vị có liên quan tiến hành rà soát định mức xây dựng đặc thù đã ban hành kèm theo Văn bản số: 1242/SXD-CB-KTXDTH ngày 30/10/2015; 93/SXD-KTXDTH ngày 25/01/2016 và số 196/CB-

SXD ngày 03/3/2016 của Sở Xây dựng theo quy định và theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng. Trên cơ sở đó tổng hợp các định mức cần điều chỉnh, bổ sung báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và xin ý kiến chấp thuận của Bộ Xây dựng để ban hành, công bố theo quy định.

Cụ thể gồm các định mức:

- Định mức dự toán đặc thù và phương pháp tính chi phí khai thác, sản xuất đá các loại;

- Định mức dự toán đặc thù và phương pháp tính chi phí khai thác cát, sỏi bằng máy;

- Định mức dự toán đặc thù và phương pháp tính chi phí khai thác, sản xuất đất sét, cấp phối đồi, cát và cấp phối lọt sàng: bằng thủ công và bằng máy.

- Định mức khai thác đá cấp IV bằng máy công suất lớn, kết hợp với bột nờ;

- Định mức khai thác đá cấp IV bằng bột nờ, kết hợp với búa căn;

- Đào đá cấp 4 bằng máy công tác san mặt bằng, nền đường làm mới;

- Đào đá cấp 4 bằng máy, đào nền đường mở rộng;

- Phá đá cấp 4 bằng nổ om;

### **III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

Thời gian rà soát, xây dựng và công bố các Định mức: Từ quý III/2018 đến quý I/2019;

### **IV. GIẢI PHÁP VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN**

#### **1. Giải pháp thực hiện**

- Tổ chức rà soát hệ thống định mức hiện có để khắc phục những tồn tại và tổ chức hướng dẫn, áp dụng cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương;

- Đối với các định mức còn thiếu, cần bổ sung hoặc cần phải xây dựng mới do phát sinh, thì cần đầu tư nghiên cứu cụ thể theo quy trình chặt chẽ bảo đảm phù hợp với thực tế và xây dựng quy trình thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo quy định và hướng dẫn của Bộ Xây dựng, để ban hành sau khi thỏa thuận với Bộ Xây dựng;

- Đổi mới, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về xây dựng và quản lý hệ thống định mức và giá xây dựng;

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, quản lý, kiểm soát hệ thống định mức và giá xây dựng;

- Thường xuyên cập nhật chế độ chính sách mới, giá cả vật liệu trên thị trường tại từng thời điểm, các điều kiện cung ứng vật liệu để điều chỉnh đơn giá công trình xây dựng theo kịp với thay đổi của giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Nghiên cứu và xây dựng định mức, xác định mức chi phí cho công tác, theo dõi, tổng hợp tại các công trình, dự án có áp dụng các công nghệ mới, phối hợp với các đơn vị thi công, tư vấn giám sát, tổng hợp xây dựng định mức phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

**2. Kinh phí dự kiến thực hiện: 200 triệu đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn).**

(Kinh phí thực tế theo dự toán chi tiết xây dựng các định mức được thẩm định và phê duyệt theo quy định hiện hành).

**3. Nguồn vốn:** Nguồn vốn ngân sách nhà nước do UBND tỉnh phân bổ.

**4. Phương thức thực hiện:** Theo quy định hiện hành.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Xây dựng**

Là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nhiệm vụ có liên quan đến xây dựng và quản lý định mức dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Điện Biên, có trách nhiệm:

- Chủ trì phối hợp với các sở quản lý chuyên ngành, các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ triển khai thực hiện xây dựng các bộ định mức dự toán xây dựng công trình;

- Chủ trì việc ban hành, hướng dẫn phương pháp xây dựng, quản lý và kiểm soát hệ thống định mức dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Chủ trì rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận với các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Công bố định mức dự toán đặc thù sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Xây dựng;

- Lập dự toán kinh phí chi tiết cho các công việc triển khai thực hiện xây dựng các Bộ đơn giá, các bộ định mức trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

### **2. Sở Tài chính**

- Nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn thực hiện xây dựng các Bộ đơn giá xây dựng cơ bản; Định mức xây dựng đặc thù;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định dự toán chi tiết xây dựng các Bộ đơn giá, các bộ định mức và hướng dẫn việc thanh, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành.

### **3. Các Sở quản lý chuyên ngành và các đơn vị có liên quan**

- Có trách nhiệm tham gia vào thực hiện nhiệm vụ rà soát các bộ định mức đã được Bộ Xây dựng công bố và nghiên cứu định mức xây dựng đặc thù đã công bố, các định mức còn thiếu cần bổ sung trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc nghiên cứu, ban hành các cơ chế chính sách có liên quan đến quản lý định mức dự toán xây dựng công trình thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

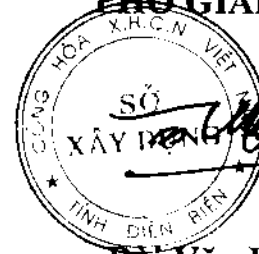
- Phối hợp với Sở Xây dựng triển khai xây dựng và quản lý hệ thống định mức xây dựng chuyên ngành để thỏa thuận với Bộ Xây dựng.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án hoàn thiện hệ thống định mức dự toán xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Căn cứ các nội dung trên, đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ngành và các đơn vị có liên quan phối hợp triển khai thực hiện. /*Th*

**Nơi nhận:**

- Bộ Xây dựng;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương;
- Ban QLDA: Dân dụng và Công nghiệp; các công trình Giao thông; các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị tư vấn, thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh;
- Đăng Website của Sở XD;
- Lưu: VT, KTXDTH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Bùi Văn Luyện**

## CÔNG BỐ

**Định mức đặc thù: Đào đá cấp 4 bằng máy, phá đá cấp 4 bằng phương pháp nổ om đối với các dự án san nền, làm đường giao thông trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ**

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Qua nghiên cứu “Định mức đào đá cấp 4 bằng máy đào công suất lớn, phá đá cấp 4 bằng nổ om” của Bộ Xây dựng đã thoả thuận tại Văn bản số 1683/MXD-KTTC ngày 01/10/2003 cho dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh; Văn bản số 212/ĐMXD-SXD ngày 31/3/2008 của Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên về việc thoả thuận định mức công tác xây dựng đặc thù đối với các dự án san nền, làm đường giao thông trên địa bàn thị xã Mường Lay và đối chiếu với đặc điểm địa hình, địa chất, điều kiện thi công của các dự án san nền, làm đường trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ, Sở Xây dựng thấy rằng việc áp dụng Định mức của Bộ Xây dựng thoả thuận tại Văn bản 1683/MXD-KTTC ngày 01/10/2003 vào các dự án san nền, làm đường trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ là phù hợp, tiết kiệm được chi phí vốn đầu tư của nhà nước.

Sở Xây dựng Công bố “Định mức đặc thù đào đá cấp 4 bằng máy đào công suất lớn, phá đá cấp 4 bằng nổ om” để áp dụng cho dự án san nền, làm đường giao thông trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ như sau:

### 1. Đào đá cấp 4 bằng máy công tác san mặt bằng, nền đường làm mới.

Thành phần công việc:

Đào nền đường, mặt bằng máy đào + ô tô vận chuyển; bằng máy ủi trong phạm vi quy định, hoàn thiện công trình, bạt mái ta luy, sửa nền đường, mặt bằng theo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 100 m<sup>3</sup> đá nguyên khai

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cự ly			
			≤ 300m	≤ 500m	≤ 700m	≤ 1000m
TP	Nhân công bậc 3/7	Công	29,38	29,38	29,38	29,38



ĐBP.105	nhóm II (Bảng số 1 - phụ lục 2 theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng)					
	Máy đào 1,6 m3	ca	0,5565	0,5565	0,5565	0,5565
	Ô tô 12 T	ca	0,667	0,7475	0,8395	0,966
	Máy ủi 110 CV	ca	0,0874	0,0874	0,0874	0,0874
			1	2	3	4

Lưu ý: Đối với dự án san nền, làm đường mới không có công tác bạt mái ta luy thì định mức nhân công được xác định tối đa bằng 50% của định mức nêu trên.

### 2. Đào đá cấp 4 bằng máy đào nền đường mở rộng.

Thành phần công việc:

Đào nền đường mở rộng bằng máy đào + ô tô vận chuyển; bằng máy ủi trong phạm vi quy định, hoàn thiện công trình, bạt mái ta luy, sửa nền đường, mặt bằng theo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 100 m<sup>3</sup> đá nguyên khai

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cự ly			
			≤ 300m	≤ 500m	≤ 700m	≤ 1000m
TP ĐBP.105	Nhân công bậc 3/7 nhóm II (Bảng số 1 - phụ lục 2 theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng)	Công	29,38	29,38	29,38	29,38
	Máy đào 1,6 m3	ca	0,5805	0,5805	0,5805	0,5805
	Ô tô 12 T	ca	0,667	0,7475	0,8395	0,966
	Máy ủi 110 CV	ca	0,0897	0,0897	0,0897	0,0897
			1	2	3	4

Lưu ý: Đối với dự án san nền, làm đường mở rộng không có công tác bạt mái ta luy thì định mức nhân công được xác định tối đa bằng 50% của định mức nêu trên.

### 3. Phá đá cấp 4 bằng nổ mìn.

Thành phần công việc:

- Khoan nổ mìn, kiểm tra bãi nổ, xử lý các lỗ mìn bị cắm (nếu có) trước khi tiến hành các công tác bốc xúc, vận chuyển, phá đá quá cỡ thành đá có thể bốc xúc được, đào phá đá bảo vệ và hoàn thiện bề mặt sau khi đào đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Công tác bốc xúc, vận chuyển đá nổ mìn (bao gồm cả vận chuyển tiếp theo) áp dụng theo quy định trong tập định mức dự toán XDDB hiện hành của Bộ Xây dựng.

Đơn vị tính: 100 m<sup>3</sup> đá nguyên khai

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Máy khoan	Máy khoan đập tự hành
---------	--------------------	--------	-----------	-----------------------

			cầm tay Φ42	Φ65
TP ĐBP.107	<b>Vật liệu</b>			
	Thuốc nổ Amônít	kg	20,52	20,52
	Kíp vi sai	cái	1,71	1,71
	Dây điện	m	71	71
	Dây nổ	m	71,3	71,3
	Vật liệu khác	%	5	5
	<b>Nhân công</b>			
	Nhân công bậc 3,5/7, nhóm II (Bảng số 1 - phụ lục 2 theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng)	Công	25,5	
	<b>Máy thi công</b>			
	Máy khoan cầm tay Φ42	ca	2,5	
	Máy khoan đập tự hành Φ65	ca		1
	Máy nén khí 10m <sup>3</sup> /phút	ca	0,83	1
	Máy ủi 140 CV	ca	0,03	0,03
	Máy khác	%	1	1
			1	2

Lưu ý: Đối với dự án không có công tác phá đá quá cỡ thì định mức nhân công chỉ bằng 50% của định mức nêu trên.

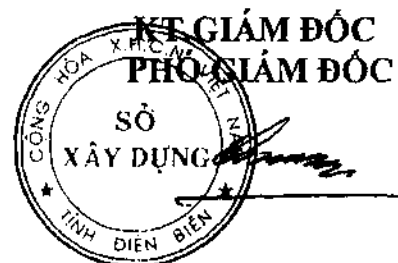
Trên đây là Công bố “Định mức đặc thù trong công tác đào đá cấp 4 bằng máy đào công suất lớn và phá đá cấp 4 bằng nổ om” đối với các dự án san nền, làm đường trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ của Sở Xây dựng làm cơ sở cho các chủ đầu tư lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Đối với các dự án san nền, làm đường ở địa bàn các huyện, thị xã khác trong tỉnh có đặc điểm địa hình, địa chất và điều kiện thi công có tính chất tương tự cũng áp dụng các định mức nêu trên.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị chủ đầu tư phản ánh về Sở Xây dựng để xem xét, giải quyết. /

**Nơi nhận:**

- Các Sở Ngành chức năng;
- Viện Kinh tế Bộ Xây dựng (B/C);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh;
- Các chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư;
- Lãnh đạo Sở, các phòng ban của Sở XD;
- Lưu VT+KTXDTH.



**Phạm Văn Sỹ**

Số: **93/SXD-KTXDTH**

Điện Biên, ngày **25** tháng 01 năm 2016

V/v Áp dụng định mức đặc thù công tác phá đá bằng vật liệu bột nở đối với công trình xây dựng mở rộng điểm TĐC Khe Chít số 1.

Kính gửi: Ban quản lý dự án thành phố Điện Biên Phủ

Theo đề nghị của Ban QLDA thành phố Điện Biên Phủ tại Tờ trình số 07/TT-BQLDA ngày 18/01/2016 V/v thẩm định phương pháp thi công và định mức đặc thù cho công tác đào phá đá Hạng mục bổ sung: Xây dựng mở rộng điểm TĐC Khe Chít (điểm Khe Chít 1) thuộc Công trình san nền, giao thông, thoát nước điểm dân cư Khe Chít, Khu tái định cư Noong Bua, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ; Qua nghiên cứu xem xét, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

**1. Sự cần thiết phải có định mức dự toán đặc thù để có phương pháp thi công thích hợp.**

Địa điểm xây dựng mở rộng khu tái định cư Noong Bua (điểm TĐC Khe Chít số 1) nằm trong vùng nội thị, sát khu dân cư nên không thể thi công bằng phương pháp nổ mìn để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và tài sản. Theo báo cáo kết quả khảo sát địa chất do Ban QLDA thành phố Điện Biên Phủ cung cấp thì một số vị trí địa chất có cấu tạo là đá cấp 4 liên khối tương đối lớn, các chỉ số về kháng nén, hoá mềm của đá theo kết quả thí nghiệm được đơn vị tư vấn đánh giá nhận định là không thể thi công bằng máy đào công suất lớn.

Nhằm đảm bảo công tác an toàn và yêu cầu tiến độ của dự án, việc phải nghiên cứu biện pháp thi công thay thế (sử dụng vật liệu bột nở kết hợp máy để đào phá đá theo đề nghị của Chủ đầu tư) kèm theo định mức dự toán đặc thù tương ứng để tổ chức triển khai thực hiện là cần thiết.

**2. Lựa chọn áp dụng định mức dự toán đặc thù**

- Hiện nay, Bộ Xây dựng chưa có các Định mức dự toán "Đào phá đá cấp IV" bằng phương pháp bột nở kết hợp máy đào và phương pháp kết hợp bột nở, búa cần và máy đào. Căn cứ quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 19, Nghị định số 32/2015/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng, theo đó đối với các công việc xây dựng chưa có trong hệ thống định mức dự toán xây dựng được công bố hoặc đã có trong hệ thống định mức dự toán xây dựng được công bố nhưng chưa phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công cụ thể của công trình thì thực hiện như sau: "*Chủ đầu tư tổ chức xác định các định mức dự toán xây dựng mới, định mức dự toán xây dựng điều chỉnh hoặc vận dụng định mức dự toán tương tự ở các công trình đã và đang thực hiện, làm cơ sở quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình*"

- Căn cứ định mức đặc thù của Viện Kinh tế - Bộ Xây dựng đối với công tác đào đá bằng máy đào công suất lớn và đào phá đá bằng bột nổ kết hợp búa cần được thỏa thuận tại các văn bản số 1683/MXD-KTTC ngày 01/10/2003, văn bản số 1158/VKT-ITTV ngày 04/9/2013 và văn bản số 134/VKT-TTTT ngày 20/01/2016; Công bố số 1242/SXD-CB-KTXDTH ngày 30/10/2015 của Sở Xây dựng. Trên cơ sở thiết kế biện pháp thi công xây dựng phù hợp với điều kiện thi công thực tế; Đề UBND thành phố Điện Biên Phủ (chủ đầu tư) và Ban QLDA thành phố có cơ sở tham khảo, lựa chọn, quyết định áp dụng định mức đặc thù thi công xây dựng hạng mục bổ sung: Xây dựng mở rộng điểm TĐC Khe Chít (điểm Khe Chít 1) thuộc Công trình san nền, giao thông, thoát nước điểm dân cư Khe Chít, Khu tái định cư Noong Bua, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ; Sở Xây dựng đưa ra hai định mức đặc thù sau để chủ đầu tư lựa chọn tham khảo áp dụng:

**a. Định mức phá đá cấp IV bằng máy công suất lớn kết hợp bột nổ:**

*Đơn vị tính: 100m<sup>3</sup> đá nguyên khai*

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Định mức
	Phá đá cấp IV bằng máy công suất lớn kết hợp sử dụng bột nổ		
<b>1</b>	<b>Vật liệu</b>		
	Bột nổ	kg	500
	Mũi khoan D42	Cái	3,125
	Cần khoan D32 - L=1,5m	Cái	1,375
	Vật liệu khác	%	2
<b>2</b>	<b>Nhân công</b>		
	Nhân công bậc 3/7 nhóm II- bảng số 1 tại Thông tư 01/2015/TT-BXD ( <i>Dây chuyền phá đá bằng máy</i> )	công	14,69
	Nhân công bậc 3,5/7 nhóm II- bảng số 1 tại Thông tư 01/2015/TT-BXD ( <i>Dây chuyền phá đá bằng bột nổ</i> )	công	23,48
<b>3</b>	<b>Máy thi công</b>		
	Máy khoan cầm tay D42 ( <i>khoan SIG chưa tính khí nén</i> )	ca	8,69
	Máy nén khí động cơ diesel 660 m <sup>3</sup> /h	ca	5,00
	Máy khác	%	2
	<b>Xúc đá sau khi phá đá cấp IV bằng bột nổ kết</b>		

	Máy đào 1 gầu, bánh xích dung tích 1,6 m <sup>3</sup>	ca	0,5565
	Máy ủi công suất 110CV	ca	0,0874
	<b>Công tác vận chuyển đá bằng ô tô tự đổ 12T đến vị trí ≤300m</b>		
	Vận chuyển đá sau phá dỡ bằng ô tô tự đổ 12T	ca	0,667

**b. Định mức phá đá cấp IV bằng bột nỏ kết hợp búa cần.**

*Đơn vị tính: 100m<sup>3</sup> đá nguyên khai*

STT	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
<b>1</b>	<b>Vật liệu</b>		
	Bột nỏ	kg	600
	Mũi khoan D42	Cái	3,1
	Cần khoan D32 - L=1,5m	Cái	2,0
	Vật liệu khác	%	2
<b>2</b>	<b>Nhân công</b>		
	Nhân công khoan bậc 3,5/7 nhóm II-bảng số 1 Thông tư 01/2015/TT-BXD	công	32,7
<b>3</b>	<b>Máy thi công</b>		
	Máy khoan cầm tay D42	ca	12,6
	Búa cần khí nén (chưa tính khí nén) 3m <sup>3</sup> /ph	ca	5,4
	Máy nén khí động cơ diesel 600 m <sup>3</sup> /h	ca	7,2
	Máy đào 1 gầu, bánh xích dung tích 1,6 m <sup>3</sup>	ca	2,0
	Máy ủi công suất 110CV	ca	0,1
	<b>Công tác vận chuyển đá bằng ô tô tự đổ 12T đến vị trí ≤300m</b>		
	Vận chuyển đá sau phá dỡ bằng ô tô tự đổ 12T	ca	0,87

**c) Lưu ý:** Đối với dự án san nền, làm đường mới không có công tác đào bạt mái ta luy thì định mức nhân công phá đá bằng bột nỏ của các định mức nói trên được xác định tối đa bằng 50% hao phí đã nêu.

### 3. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ vào 2 định mức nêu trên, chủ đầu tư tham khảo lựa chọn, quyết định áp dụng hoặc thuê đơn vị tư vấn lập định mức đặc thù riêng để áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo hiệu quả kinh tế.

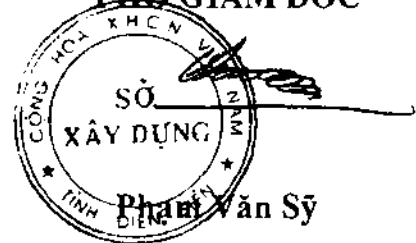
Trong quá trình tổ chức thực hiện định mức dự toán đặc thù, Ban QLDA thành phố có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát về phương pháp thi công theo thiết kế biện pháp thi công đã duyệt; các hao phí sử dụng vật liệu, thiết bị máy móc, nhân lực thực hiện thi công theo thực tế của nhà thầu để nghiệm thu thanh toán hợp đồng xây dựng và quyết toán vốn đầu tư công trình theo quy định hiện hành.

Trên đây là ý kiến trả lời của Sở Xây dựng theo đề nghị của Ban QLDA thành phố Điện Biên Phủ tại Tờ trình số 07/TT-BQLDA ngày 18/01/2016. Sở Xây dựng đề nghị Ban QLDA thành phố Điện Biên Phủ xem xét, tổ chức thực hiện. / b

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- UBND thành phố ĐBP;
- Các phòng chức năng Sở XD;
- Lưu VT+KTXDTH.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



**CÔNG BỐ**

**Định mức dự toán đặc thù khai thác, chế biến đá, cát sỏi các loại; Định mức bốc xếp vật tư vật liệu, các cấu kiện xây dựng bằng thủ công và hướng dẫn phương pháp tính chi phí sản xuất một số loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng V/v Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 V/v Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Định mức số 1784/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng về Ban hành định mức vật tư trong xây dựng;

Căn cứ Định mức số 1776/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng đã được bổ sung theo Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng v/v Công bố định mức dự toán trong xây dựng công trình - Phần xây dựng (bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-BXD ngày 29/5/2014 của Bộ Xây dựng V/v Công bố định mức dự toán xây dựng công trình Phần xây dựng (sửa đổi và bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên V/v Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND tỉnh Điện Biên V/v Ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Để các Chủ đầu tư, đại diện Chủ đầu tư có cơ sở quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước, Sở Xây dựng Công bố một số định mức dự toán đặc thù khai thác, chế biến đá, cát sỏi các loại, định mức bốc xếp vật tư vật liệu, các cấu kiện xây dựng bằng thủ công và hướng dẫn phương pháp tính chi phí sản xuất một số loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên như sau:

**I. Nguyên tắc, cơ sở thực hiện và căn cứ xác định chi phí.**

**1. Nguyên tắc, cơ sở thực hiện:**

Định mức đặc thù khai thác, chế biến đá, cát sỏi các loại; định mức bóc xếp vật tư vật liệu, các cấu kiện xây dựng bằng thủ công xác định theo hướng dẫn tại công bố này được thực hiện đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với định mức vật tư trong xây dựng được Bộ Xây dựng ban hành;
- Các hao phí liên quan trong công tác khai thác, chế biến chưa có hướng dẫn, được vận dụng theo định mức dự toán trong xây dựng công trình - Phần xây dựng của Bộ Xây dựng trên cơ sở đặc điểm, tính chất công việc có tính chất tương tự và yêu cầu về hiệu quả kinh tế.
- Đáp ứng yêu cầu chi trả một số khoản chi phí thuộc trách nhiệm của nhà đầu tư, đơn vị cá nhân tham gia hoạt động khai thác, chế biến vật liệu xây dựng theo quy định.

## 2. Căn cứ để xác định chi phí.

2.1. Định mức hao phí vật liệu trong phá đá vôi trên núi.

Áp dụng Định mức vật tư 1784/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng với mã hiệu định mức 06.0034

2.2. Định mức tiêu hao vật liệu nổ khi phá bỏ đá tảng, đá quá cỡ 18%.

Áp dụng Định mức vật tư 1784/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng với mã hiệu định mức 06.0034.

-  $1\text{m}^3$  đá nguyên khai =  $1,8\text{m}^3$  đá nở rời.

-  $1\text{m}^3$  đá có thể thu hồi được sau khi nổ mìn =  $1,8\text{m}^3 - (1,8\text{m}^3 \times 9\% \text{ đá vụn khi nổ mìn không thu hồi được}) = 1,64\text{m}^3$ .

- Tỷ lệ đá quá cỡ cần pha bỏ tính cho  $1\text{m}^3$  đá hộc =  $18\%/1,64\text{m}^3 \approx 11\%/m^3$

2.3. Định mức hao phí nhân công trong sản xuất đá hộc:

- Vận dụng mã hiệu định mức AB.51132 công tác phá đá mặt bằng công trình bằng máy khoan D105mm, đá cấp II theo quy định tại Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng.

- Nhân công khai thác đá hộc bậc 3,5/7: áp dụng bảng đơn giá số 1, nhóm II - vùng IV theo quy định tại Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng.

2.4. Định mức hao phí máy thi công, vật liệu khác trong sản xuất đá hộc

- Vận dụng định mức dự toán xây dựng công trình - phần xây dựng ban hành theo Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng, công tác phá đá mặt bằng công trình bằng máy khoan D105mm, đá cấp II với mã hiệu định mức AB.51132.

2.5. Định mức hao phí về nhân công trong ca máy, hao phí về máy thi công với nội dung công việc xúc đá sau nổ mìn lên phương tiện vận chuyển hoặc đổ bên cạnh bằng máy đào  $1,25\text{m}^3$ .

- Áp dụng mã hiệu định mức AB.52121 theo quy định tại Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng.



- Đơn giá nhân công xúc đá trong ca máy bậc 3,5/7: áp dụng bảng đơn giá số 1, nhóm II - vùng IV theo quy định tại Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng.

2.6. Định mức hao phí ca máy trong vận chuyển đá đến trạm nghiền  $\leq 300m$  bằng ô tô tự đổ 12 tấn: Áp dụng mã hiệu định mức AB.53141 theo quy định tại Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng

2.7. Định mức hao phí nhân công, máy thi công trong công tác xúc đá hỗn hợp lên phương tiện vận chuyển máy đào 1,25 m<sup>3</sup>:

- Áp dụng mã hiệu định mức AB.55311 theo quy định tại Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng. Đơn giá nhân công xúc đá hỗn hợp lên phương tiện vận chuyển bằng máy đào bậc 3/7: áp dụng bảng đơn giá số 1, nhóm II - vùng IV theo quy định tại Thông tư số 01/2015/TT-BXD.

2.8. Định mức khai thác cát:

Định mức về hao phí vật liệu, hao phí về nhân công và hao phí về ca máy trong khai thác, sản xuất cát theo công nghiệp: vận dụng mã hiệu định mức AB.61210 - ban hành kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng, mã hiệu AB.61210

2.9. Thuế tài nguyên: Áp dụng Nghị Quyết số 712/NQ-UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Công văn số 18228/BTC-CST ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

2.10. Đơn giá tính thuế tài nguyên: Áp dụng Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên V/v Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2.11. Phí đánh giá tác động môi trường (DTM): Theo quy mô, trữ lượng mỏ, công suất khai thác... của từng cơ sở sản xuất để xác định chi phí đánh giá DTM cho phù hợp theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ và Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.12. Phí bảo vệ môi trường: Theo Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ V/v quy định chi tiết về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

2.13. Định mức chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước: Áp dụng bảng 3.8 của Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng.

2.14. Tiền thuê đất: Tùy theo tính chất về quy mô diện tích thuê đất để xác định phù hợp với từng đơn vị.

2.15. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá: Theo quy mô về diện tích, trữ lượng, công suất khai thác đăng ký và thời hạn khai thác của từng mỏ để xác định phù hợp với quy định tại Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

**II. Định mức dự toán đặc thù và phương pháp tính chi phí khai thác sản xuất đá các loại.**

**1. Phạm vi áp dụng:** Định mức khai thác, sản xuất đá các loại áp dụng cho các cơ sở khai thác, sản xuất đá theo công nghiệp có dây chuyền, công nghệ, máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại, đồng bộ.

**2. Thành phần công việc và nội dung định mức đặc thù:**

**2.1. Khai thác đá hộc.**

Thành phần công việc:

+ Phát dọn mặt bằng.

+ Bóc lớp tầng phủ (đối với các mỏ có tầng phủ không đáng kể).

+ Cảnh giới.

+ Khoan nổ min.

+ Xử lý quá cỡ đá theo tiêu chuẩn, xúc đá lên phương tiện vận chuyển, vận chuyển đá đến trạm nghiền và tập kết đá theo quy định.

**2.2. Chế biến đá dăm các loại.**

- Tỷ lệ hao hụt từ đá hộc ra đá dăm các loại áp dụng mục IV phần II định mức hao hụt vật liệu qua các khâu gia công ban hành kèm theo Văn bản số 1784/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng.

- Máy: Sử dụng máy nghiền sàng đá di động công suất 125m<sup>3</sup>/h.

- Tỷ lệ chi phí khác theo quy định hiện hành.

**2.3. Hệ số quy đổi**

**a. Đá nguyên khai**

1m<sup>3</sup> đá nguyên khai bằng 1,64 m<sup>3</sup> đá hộc nở rời (trừ 9%) đá vụn.

**b. Thuốc nổ:**

0,83 kg thuốc nổ Đinamit = 1kg Amônít → 1kg thuốc nổ Đinamit = 1,2kg

Amônít.

*Đơn vị tính: 1m<sup>3</sup> đá*

STT	Thành phần hao phí	ĐVT	Định mức
<b>I</b>	<b>Đá hộc</b>		
1	Định mức dự toán đặc thù = (a+b+c+d+e)		
a	<b>Vật liệu</b>		
-	Vật liệu nổ phá đá vôi trên núi		
	Thuốc nổ Amônít	kg	0,1580
	Kíp vi sai	cái	0,4390
	Dây nổ	m	0,5488
-	Vật liệu nổ phá đá, xử lý quá cỡ		
	Thuốc nổ Amônít	kg	0,0174
	Kíp vi sai	cái	0,0483
	Dây cháy chậm	m	0,0604
-	Mũi khoan Φ 105mm	cái	0,0028

-	Mũi khoan $\Phi$ 42mm	cái	0,0006
-	Cần khoan $\Phi$ 89mm, L= 0,96m	cái	0,0014
-	Cần khoan $\Phi$ 32mm, L= 0,7m	cái	0,0003
-	Quả đập khí nén $\Phi$ 105mm	cái	0,0010
-	Vật liệu khác	%	2
b	<b>Nhân công</b>		
	Nhân công 3,5/7 (đơn giá nhân công công nhân xây dựng theo bảng số 1, nhóm II-vùng IV)	công	0,0354
c	<b>Máy thi công</b>		
	Máy khoan xoay đập tự hành D105	ca	0,0079
	Máy nén khí diesel 660m <sup>3</sup> /h	ca	0,0079
	Máy khoan cầm tay $\Phi$ 32- $\Phi$ 42	ca	0,0014
	Máy nén khí diesel 660m <sup>3</sup> /h	ca	0,0005
	Máy khác	%	2
d	Chi phí xúc đá sau nổ mìn lên phương tiện vận chuyển hoặc đổ bên cạnh bằng máy xúc 1,25m <sup>3</sup> (áp dụng mã hiệu định mức AB.52121)		
	<b>Nhân công</b>		
	Nhân công bậc 3,5/7 áp dụng đơn giá nhân công công nhân xây dựng theo bảng số 1, nhóm II - vùng IV)	công	0,0180
	<b>Máy thi công</b>		
	Máy đào 1,25 m <sup>3</sup>	ca	0,0043
	Máy ủi 110CV	ca	0,0014
e	Chi phí vận chuyển đá đến trạm nghiền $\leq$ 300m bằng ô tô tự đổ 12T (áp dụng định mức mã hiệu định mức AB.53141)	ca	0,0087
2	Các chi phí để tính giá thành sản xuất = (a+b+c+d+e +f+g)		
a	Thuế tài nguyên (tính trên giá theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên)	%	7
b	Phí Bảo vệ môi trường (tính theo quy định về phí BVMT và tỷ trọng của đá hộc) 3.000đ/m <sup>3</sup> * 1,5 tấn = 4.500đ/m <sup>3</sup>	m <sup>3</sup>	4.500

c	Phí đánh giá ĐTM + Cải tạo phục hồi môi trường	m <sup>3</sup>	Theo chi phí thực tế đánh giá ĐTM + Cải tạo phục hồi môi trường
d	Tiền thuê đất	m <sup>2</sup>	Theo quyết định phê duyệt tiền thuê đất của UBND tỉnh
e	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo ND 203/ND-CP	m <sup>3</sup>	Theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của UBND tỉnh
f	Chi phí lập báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, chất lượng	m <sup>3</sup>	Theo chi phí công tác đánh giá trữ lượng, chất lượng
g	Chi phí lập Dự án đầu tư (Báo cáo KTKT)	m <sup>3</sup>	Theo chi phí lập hồ sơ Báo cáo KTKT
3	Chi phí chung (1*5,5%)	%	5,5
4	Thu nhập CTTT (1+3)*6%	%	6
5	Tổng cộng: (1+2+3+4)		
<b>II</b>	<b>Đá 4x6</b>		
1	Hao hụt từ đá hộc	m <sup>3</sup>	1,1
2	Máy nghiền sàng công suất 125m <sup>3</sup> /h	ca	0,0019
3	Chi phí xúc đá hỗn hợp các loại lên phương tiện vận chuyển bên mua bằng máy xúc 1,25m <sup>3</sup> (áp dụng định mức mã hiệu định mức AB.55311)		
	<b>Nhân công</b>		

	Nhân công bậc 3,0/7 áp dụng đơn giá nhân công công nhân xây dựng theo bảng số 1, nhóm II - vùng IV)	công	0,01196
	<b>Máy thi công</b>		
	Máy đào 1,25 m <sup>3</sup>	ca	0,00328
	Máy ủi 110CV	ca	0,00057
4	Chi phí chung (1+2+3)*5,5%	%	5,5
5	Thu nhập CTTTT (1+2+3+4)*6%	%	6
6	Thuế tài nguyên (tính trên giá theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên)	%	7
7	<b>Tổng cộng: (1+2+3+4+5+6)</b>		
<b>III</b>	<b>Đá 2x4</b>		
1	Hao hụt từ đá hộc	m <sup>3</sup>	1,15
2	Máy nghiền sàng công suất 125m <sup>3</sup> /h	ca	0,0019
3	Chi phí xúc đá hỗn hợp các loại lên phương tiện vận chuyển bên mua bằng máy xúc 1,25m <sup>3</sup> (áp dụng định mã hiệu định mức AB.55311)		
	<b>Nhân công</b>		
	Nhân công bậc 3,0/7 áp dụng đơn giá nhân công công nhân xây dựng theo bảng số 1, nhóm II - vùng IV)	công	0,01196
	<b>Máy thi công</b>		
	Máy đào 1,25 m <sup>3</sup>	ca	0,00328
	Máy ủi 110CV	ca	0,00057
4	Chi phí chung (1+2+3)*5,5%	%	5,5
5	Thu nhập CTITT (1+2+3+4)*6%	%	6
6	Thuế tài nguyên (tính trên giá theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên)	%	7
7	<b>Tổng cộng: (1+2+3+4+5+6)</b>		
<b>IV</b>	<b>Đá 1x2</b>		
1	Hao hụt từ đá hộc	m <sup>3</sup>	1,2
2	Máy nghiền sàng công suất 125m <sup>3</sup> /h	ca	0,0019
3	Chi phí xúc đá hỗn hợp các loại lên phương tiện vận chuyển bên mua bằng máy xúc 1,25m <sup>3</sup> (áp dụng định mã hiệu định mức AB.55311)	m <sup>3</sup>	1